

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/DS-PT
Ngày: 23 - 4 - 2020
V/v: “*Tranh chấp đòi lại
tài sản, hụi*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Luông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Bà Võ Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Ông Trần Vũ Tính- Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2019/TLPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản, hụi*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 181/2019/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2020/QĐPT-DS ngày 27 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị P, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Phạm Thu T, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Số D, đường E, khu vực G, phường H, thành phố I, tỉnh Hậu Giang (Văn bản ủy quyền ngày 16/3/2020). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Lương D, sinh năm: 2000.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Hậu Giang. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Cẩm H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/7/2018, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Phạm Thu T trình bày: Bà Nguyễn Thị Cẩm H có tham gia 03 dây hội do bà P làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hội ngày 06/02/2017 (âl) hội 1.000.000 đồng/tháng, hội có 19 phần, bà H tham gia 01 phần, bà H hót lần thứ nhất, đóng hội chết được 08 lần, còn nợ lại 10 lần hội chết với số tiền 10.000.000 đồng.

- Dây hội ngày 10/02/2017 (âl) hội 1.000.000 đồng/tháng, hội có 20 phần, bà H tham gia 01 phần, bà H hót lần thứ hai, đóng được 06 lần hội chết, còn nợ lại 12 lần hội chết với số tiền 12.000.000 đồng.

- Dây hội ngày 19/3/2017 (âl) hội 2.000.000 đồng/tháng, hội có 17 phần, bà H tham gia 01 phần, bà H hót lần thứ nhất, đóng được 06 lần hội chết, còn nợ lại 10 lần hội chết với số tiền 20.000.000 đồng.

Tổng cộng bà H nợ 03 dây hội chết là 42.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 06/10/2017 bà P có cho bà H mượn 60.000.000 đồng, bà H hứa tới lúa trả nhưng đến nay chưa trả.

Nay bà P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm H trả số tiền hội còn nợ là 42.000.000 đồng và 60.000.000 đồng tiền mượn. Không yêu cầu tính lãi.

Tại văn bản ngày 05/4/2018, 27/12/2018 quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị Cẩm H trình bày: Bà thừa nhận có tham gia 03 dây hội nhưng do con bà P là anh Trần Lương D làm chủ cụ thể như sau:

- Dây hội ngày 06/02/2017 hội 1.000.000 đồng/tháng, hội có 19 phần, bà tham gia 01 phần, bà hót lần thứ nhất, bà đã đóng hội chết đến tháng 10/2017 thì do hoàn cảnh gia đình bà ngưng đóng cho đến nay, tính đến mãi hội tháng 6/2018 thì bà còn nợ lại 9.000.000 đồng nhưng đến tháng 5/2018 đình hội thì bà chỉ còn nợ 7.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm bà đồng ý trả cho anh D 10.000.000 đồng tiền hội chết.

- Dây hội ngày 10/02/2017 hội 1.000.000 đồng/tháng, hội có 20 phần, bà tham gia 01 phần, bà hót lần thứ hai, bà đã đóng hội chết đến tháng 10/2017 thì do hoàn cảnh gia đình bà ngưng cho đến nay, tính đến mãi hội tháng 9/2018 thì bà còn nợ lại 9.000.000 đồng nhưng đến tháng 5/2018 đình hội thì bà chỉ còn nợ 7.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm bà đồng ý trả cho anh D số tiền 12.000.000 đồng tiền hội chết.

- Dây hội ngày 19/3/2017 hội 2.000.000 đồng/tháng, hội có 17 phần, bà tham gia 01 phần, bà hót lần thứ nhất, bà đã đóng hội chết đến tháng 10/2017 thì do

hoàn cảnh gia đình bà ngưng đóng cho đến nay, tính đến mãn hạn tháng 7/2018 thì bà còn nợ 16.000.000 đồng nhưng đến tháng 5/2018 đình hạn thì bà chỉ còn nợ 14.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm bà đồng ý trả cho anh D số tiền hạn chết 20.000.000 đồng.

Bà đồng ý trả cho anh Trần Lương D số tiền hạn chết là 42.000.000 đồng, không đồng ý trả cho bà P vì anh D mới là chủ hạn.

Đối với dây hạn 3.000.000 đồng/tháng ngày 29/7/2017 tại biên bản đối chất ngày 27/8/2019 bà trình bày đã đóng được số tiền 6.822.000 đồng nhưng tại phiên tòa bà không có yêu cầu gì đối với số tiền này.

Đối với số tiền vay 60.000.000 đồng bà thừa nhận vào tháng 6/2017 bà có hỏi vay của bà P nhiều lần với tổng số tiền vốn là 46.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận cụ thể như sau:

- Ngày 16/4/2017 vay 9.000.000 đồng, lãi suất 100.000đồng/1 triệu/tháng.
- Ngày 26/4/2017 vay 7.000.000 đồng, lãi suất 100.000đồng/1 triệu/tháng.
- Ngày 10/6/2017 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 80.000đồng/1 triệu/tháng.
- Ngày 30/6/2017 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 80.000đồng/1 triệu/tháng.
- Ngày 06/7/2017 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 150.000đồng/1 triệu/tháng.

Do bà không có khả năng đóng lãi cho bà P nên đến ngày 06/10/2017 bà và bà P chốt lại số nợ vốn, lãi tổng cộng là 60.000.000 đồng, bà thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày 06/10/2017. Tuy nhiên số tiền vay 60.000.000 đồng bà đã trả cho bà P được 39.500.000 đồng, còn nợ lại 20.500.000 đồng. Hình thức trả cụ thể như sau: Bà có chơi hạn 5.000.000 đồng/tháng không nhớ ngày tháng năm nào do bà P làm chủ, dây hạn gồm có 13 phần, bà tham gia một phần, bà đóng được 09 lần hạn sống, đến lần thứ 10 thì bà nhờ bà P ở nhà kêu dùm (vì bà đi chạy vẹt) và hốt được số tiền 54.500.000 đồng, việc hốt hạn, trừ căn nợ đều qua điện thoại, không có giấy tờ gì và cũng không có người làm chứng. Tổng số tiền hốt được là 54.500.000 đồng trừ lại 03 lần hạn chết phải đóng 15.000.000 đồng thì bà còn lại là 39.500.000 đồng, bà và bà P thỏa thuận lấy 39.500.000 đồng trừ vào số tiền 60.000.000 đồng vay của bà P thì bà còn nợ bà P 20.500.000 đồng, việc trừ tiền hạn vào tiền vay của bà P thì bà và bà P chỉ trao đổi qua điện thoại, không có giấy tờ và không có ai làm chứng.

Bà xác định số tiền 03 dây hạn chết 42.000.000 đồng là nợ anh Trần Lương D (con bà P) vì các dây hạn do anh D làm chủ, bà đồng ý trả 42.000.000 đồng cho anh D. Còn số nợ vay 60.000.000 đồng bà đồng ý trả 20.500.000 đồng cho bà P.

Tại văn bản ngày 12/7/2019 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Lương D trình bày: Anh không phải là chủ 04 dây hạn ngày 06/02/2017, 10/02/2017, 19/3/2017 và ngày 29/7/2017 trong danh sách hạn là tên anh nhưng

mẹ anh là bà P trực tiếp giao dịch hụi, anh không có làm chủ hụi và cũng không biết những dây hụi này vì năm 2017 anh còn học phổ thông. Việc bà H cho rằng còn nợ lại anh số tiền hụi là không đúng, bà H không có nợ anh. Anh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 181/2019/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị P.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị P số tiền 102.000.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu đồng).

Kể từ ngày bà Mai Thị P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Thị Cẩm H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với dây hụi 5.000.000 đồng và dây hụi 3.000.000 đồng ngày 29/7/2017 nếu bà H có tranh chấp với bà P, anh D thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H kháng cáo bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị P; bà Cẩm H chỉ đồng ý trả tiền vay cho bà P là 20.500.000 đồng, đối với số tiền hụi bà Cẩm H chỉ đồng ý trả cho anh Trần Lương D.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án cấp phúc thẩm đã tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo quan hệ pháp luật “Tranh chấp đòi lại tài sản, hụi” là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Lương D, xét thấy đương sự có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng

xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Nguyên đơn bà Mai Thị P cho rằng bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H có tham gia 03 dây hụi do bà làm chủ gồm hụi ngày 06/02/2017, ngày 10/02/2017 và ngày 19/3/2017, 03 dây hụi này bị đơn đã hót và còn nợ lại hụi chết tổng cộng là 42.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H thừa nhận có tham gia 03 dây hụi ngày 06/02/2017, hụi 1.000.000 đồng/tháng; ngày 10/02/2017 hụi 1.000.000 đồng/tháng; hụi ngày 19/3/2017, hụi 2.000.000đồng/tháng, cả 03 dây hụi này bị đơn đều đã hót và còn nợ lại hụi chết tổng cộng là 28.000.000 đồng. Mặc dù nguyên đơn và bị đơn trình bày có mâu thuẫn về số tiền nợ hụi, tuy nhiên căn cứ vào sự thừa nhận của các đương sự có cơ sở để xác định việc bị đơn có tham gia hụi và còn nợ lại tiền hụi chết của nguyên đơn là sự thật.

[4.2] Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn thừa nhận còn nợ anh Trần Lương D (con bà P) số tiền 42.000.000 đồng tiền hụi và chỉ đồng ý trả cho anh D (Bút lục số 75); tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn chỉ đồng ý trả cho anh D 28.000.000 đồng tiền nợ hụi, tuy nhiên bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bị đơn còn nợ tiền hụi 28.000.000 đồng và lời nại ra này của bị đơn không được phía nguyên đơn thừa nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn cho rằng do các dây hụi nêu trên do anh Trần Lương D (con bà P) làm chủ nên bị đơn chỉ đồng ý trả tiền nợ hụi cho anh D, bị đơn không đồng ý trả cho bà P. Qua kết quả xác minh bà Nguyễn Tuyết N, ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị Mộng T là những hụi viên cùng tham gia với bị đơn các dây hụi ngày 06/02/2017, 10/02/2017 và 19/3/2017 xác định, mặc dù trong sổ hụi ghi tên Lương D là con bà P làm chủ nhưng việc kêu hụi, gom hụi, chung hụi do bà P trực tiếp thực hiện. Đồng thời, tại bản tự khai (bút lục số 31) anh D cũng xác định mặc dù các dây hụi trên ghi tên anh nhưng anh không trực tiếp tham gia vào các dây hụi này và anh D cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này nên cấp sơ thẩm xác định các dây hụi ngày 06/02/2017, 10/02/2017 và

19/3/2017 do bà P làm chủ và buộc bà Cẩm H có nghĩa vụ trả 42.000.000 đồng tiền nợ hụi cho bà P là phù hợp.

[4.3] Đối với số tiền vay 60.000.000 đồng:

Bị đơn trình bày là có vay của nguyên đơn nhiều lần với số tiền tổng cộng là 46.000.000 đồng, do bị đơn không có khả năng đóng lãi nên nguyên đơn và bị đơn đã chốt lại vốn lãi tổng cộng là 60.000.000 đồng, bị đơn thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày 06/10/2017. Như vậy, có cơ sở để xác định việc bị đơn có vay tiền của nguyên đơn là sự thật.

Tuy nhiên, bị đơn cho rằng có nhờ nguyên đơn hốt hụi dùm đối với dây hụi 5.000.000 đồng/tháng (không nhớ rõ ngày tháng năm) do nguyên đơn làm chủ, hốt được số tiền 54.500.000 đồng, sau khi trừ qua 03 lần hụi chết bị đơn phải đóng là 15.000.000 đồng thì bị đơn còn lại 39.500.000 bị đơn tiếp tục lấy 39.500.000 đồng trừ qua số tiền 60.000.000 đồng nợ nguyên đơn thì bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn 20.500.000 đồng, do đó bà chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 20.500.000 đồng. Tuy nhiên phía nguyên đơn không thừa nhận là có hốt hụi dùm bị đơn dây hụi 5.000.000 đồng/tháng và bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh việc bị đơn có nhờ nguyên đơn hốt hụi dùm, cũng như việc nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận việc cân trừ số tiền hốt hụi vào số tiền vay như phía bị đơn trình bày. Do đó, lời trình bày của bị đơn về việc đã trả cho nguyên đơn 39.500.000 đồng, chỉ còn nợ số tiền 20.500.000 đồng là không có cơ sở. Đối với việc bị đơn cho rằng có nhờ nguyên đơn hốt hụi dùm dây hụi 5.000.000 đồng/tháng và việc bị đơn có tham gia dây hụi 3.000.000 đồng/tháng mở ngày 29/7/2017 của nguyên đơn nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ kiện khác. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét thấy việc cấp sơ thẩm buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay 60.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Bà Mai Thị P không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 148, Điều 228 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 357, Điều 494, Điều 495, Điều 496 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 181/2019/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị P.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị P số tiền 102.000.000 đồng (Một trăm lẻ hai triệu đồng).

Kể từ ngày bà Mai Thị P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Thị Cẩm H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng).

Bà Mai Thị P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.550.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0019432 ngày 07/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0000606 ngày 23/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 23/4/2020.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND TX. C;
- Chi cục THADS TX. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Hồ Văn Luông